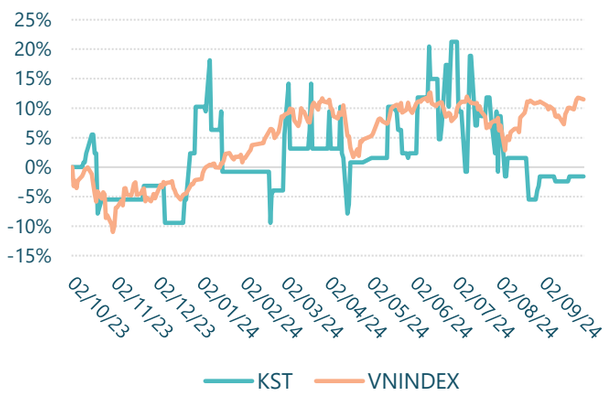
# CTCP KASATI (HNX: KST)

FireAnt

| Ngày 30/09/2024 | 11,900 VNĐ | | |
|---|---|---|---|
| **Thay đổi** | *1 tháng* | *3 tháng* | *6 tháng* |
| | **0.0%** | **-10.1%** | **-10.1%** |

| | |
|---|---|
| Sàn giao dịch | HNX |
| Khoảng giá 52 tuần | 10,948 - 14,661 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 71 |
| Số lượng CPLH (CP) | 5,992,020 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 210 |
| Sở hữu nước ngoài | 0.4% |
| Beta | 0.22 |
| EPS | 1,269 |
| P/E | 9.4 |

### Tỷ suất lợi nhuận




### Doanh thu thuần

*Q3/24*

**50.2**

*tỷ VNĐ*

QoQ: ▲ 5.80 | 13.1%

YoY: ▲ 28.9 | 136%

### Nợ/VCSH

*Q3/24*

**186%**

YoY: +/-▼ 51.6%

### LN gộp

*Q3/24*

**6.78**

*tỷ VNĐ*

QoQ: ▲ 1.42 | 26.5%

YoY: ▲ 1.20 | 21.5%

### ROE (TTM)

*Q3/24*

**10.4%**

YoY: +/-▼ 0.1%

### LN trước thuế

*Q3/24*

**2.88**

*tỷ VNĐ*

QoQ: ▲ 1.72 | 149%

YoY: ▲ 0.22 | 8.4%

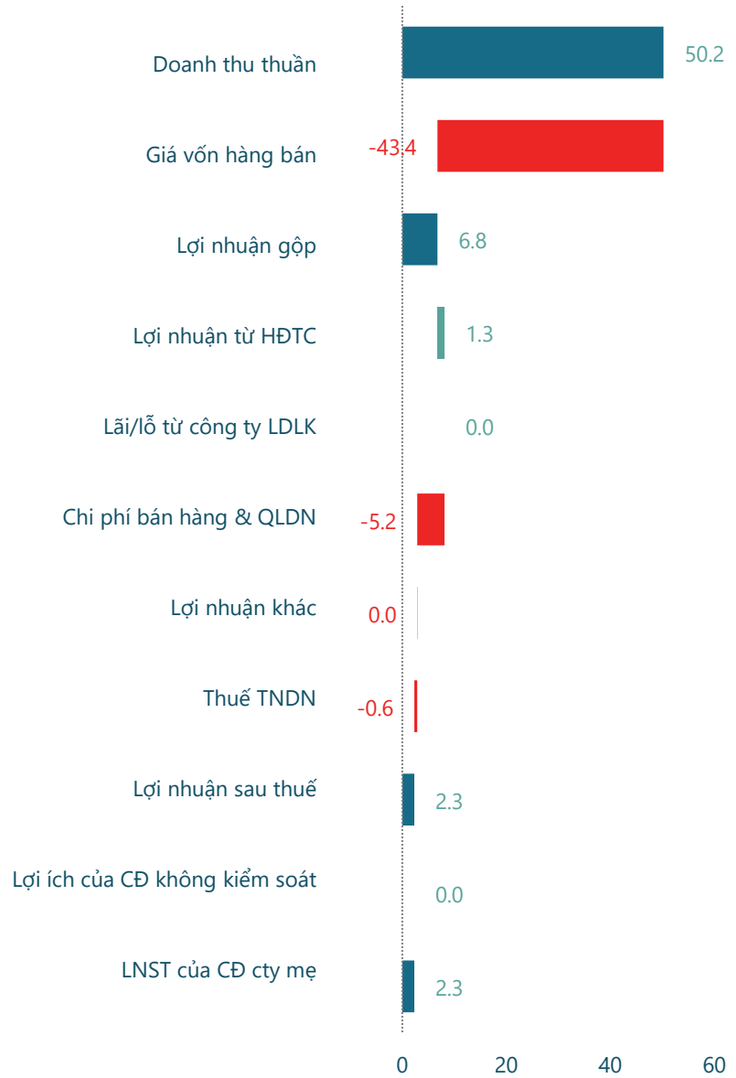
### ROA (TTM)

*Q3/24*

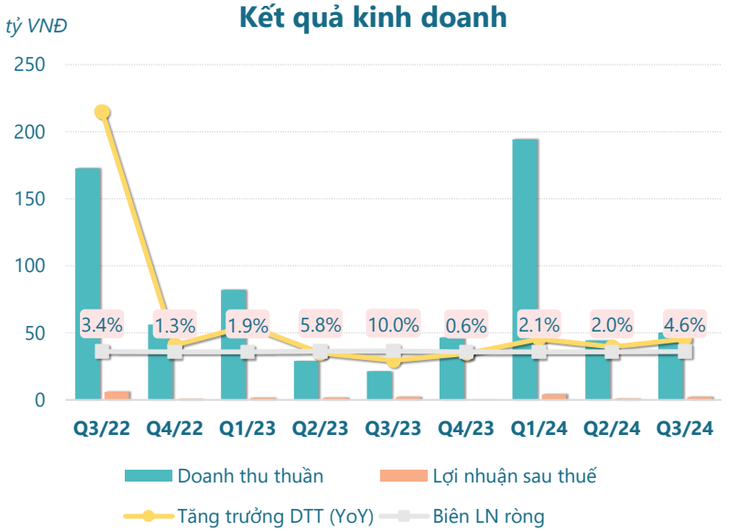
**4.1%**

YoY: +/-▲ 0.6%

### Kết quả kinh doanh Q3/24



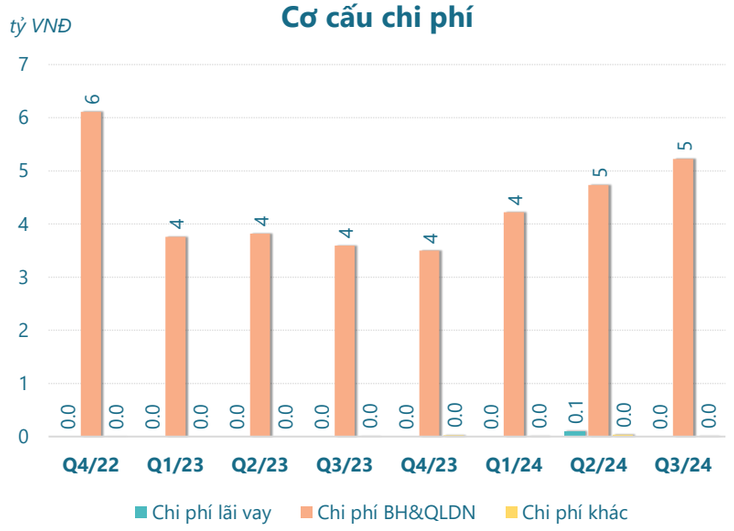
## Kết quả kinh doanh




Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 2.89 tỷ đồng**, tăng thêm 141% so với kỳ trước và cao hơn 20.4% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 1.34 tỷ đồng**, tăng thêm 135% so với kỳ trước và cao hơn 227% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.01 tỷ đồng** tăng thêm 0.02 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 104% so với cùng kỳ năm trước.

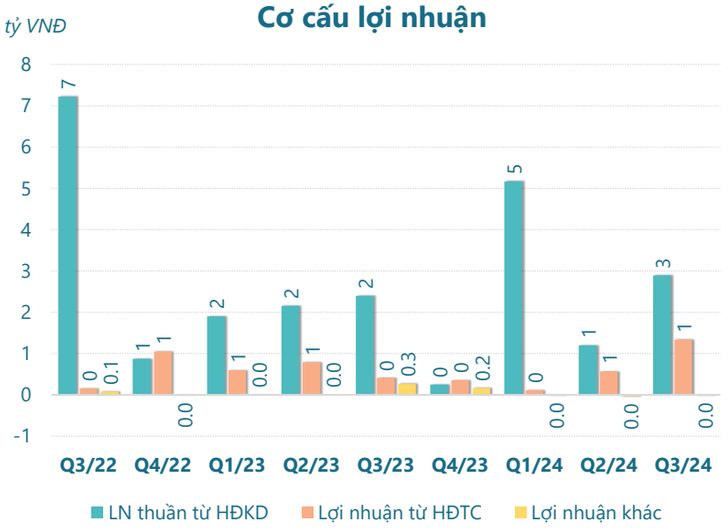
## Cơ cấu chi phí




Kết quả kinh doanh của **KST** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **50.22 tỷ đồng** tăng thêm **135%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 2.29 tỷ đồng**, **tăng trưởng 7.51%** so với cùng kỳ năm trước.

**Lũy kế 9 tháng** đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **289.0 tỷ đồng** cao hơn 117% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 7.00 tỷ đồng** cao hơn 40.0% so với cùng kỳ năm trước.

## Cơ cấu lợi nhuận




Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** giảm đi 100.0% so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **5.22 tỷ đồng** tăng thêm 10.4% so với kỳ trước và cao hơn 45.4% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.01 tỷ đồng** giảm đi 66.7% so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

# CTCP KASATI (HNX: KST)

| KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)* | Q3/24 | Q2/24 | Thay đổi QoQ | Q3/23 | Thay đổi YoY | 9T 2024 | 9T 2023 | Thay đổi YoY |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | **50.2** | **44.4** | **13.1%** | **21.3** | **136%** | **289** | **133** | **118%** |
| Giá vốn hàng bán | 43.4 | 39.0 | 11.4% | 15.8 | 175% | 267 | 117 | 129% |
| **Lợi nhuận gộp** | 6.78 | 5.36 | 26.5% | 5.58 | 21.5% | 21.4 | 15.8 | 35.2% |
| Doanh thu HĐTC | 1.44 | 2.24 | -35.6% | 0.44 | 228% | 3.84 | 1.83 | 109% |
| Chi phí TC | 0.10 | 1.67 | -93.8% | 0.03 | 246% | 1.81 | 0.03 | 5873% |
| **Chi phí lãi vay** | 0 | 0.10 | -100% | 0.00 | | 0.10 | 0 | |
| LN trong công ty LKLD | **0** | **0.00** | | **0.00** | | **0** | **0** | |
| Chi phí bán hàng | 0 | 0.00 | | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí QLDN | **5.22** | **4.73** | **10.5%** | **3.59** | **45.5%** | **14.2** | **11.2** | **26.9%** |
| **LN thuần từ HĐKD** | 2.89 | 1.20 | 141% | 2.40 | 20.6% | 9.26 | 6.46 | 43.3% |
| Lợi nhuận khác | **-0.01** | **-0.03** | **64.9%** | **0.26** | **-104%** | **-0.06** | **0.26** | **-121%** |
| **LN trước thuế** | 2.88 | 1.16 | 149% | 2.66 | 8.4% | 9.20 | 6.72 | 36.9% |
| **Lợi nhuận sau thuế** | **2.29** | **0.90** | **154%** | **2.13** | **7.5%** | **7.31** | **5.34** | **36.8%** |
| **LNST của CĐ cty mẹ** | **2.29** | **0.90** | **154%** | **2.13** | **7.5%** | **7.31** | **5.34** | **36.8%** |

